TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09**/2018/DS-ST
Ngày: 09 tháng 8 năm 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng
(tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Nguyễn Duy Đạt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng
Bà Nguyễn Thị Thương

-Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mai -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 35/2018/TLST-DS ngày 23/4/2018 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2018, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:*Ngân hàng TMCP A; địa chỉ trụ sở: đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 04, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc B, chức danh: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

-Bà Lương Thị Cẩm C, chức danh: Tổng Giám đốc *(theo Giấy ủy quyền số 357B/2017 của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị)*

-Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản-Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Trung tâm thương mại Quy Nhơn, 07 Nguyễn Tất Thành, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định do ông Trần Khải

Đ, chức vụ: Chủ tịch là người đại diện theo pháp luật; *(theo Giấy ủy quyền số 289/2018 ngày 18/6/2018* (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị Cẩm C: Ông Lê Quang E, chức danh: Phó Tổng Giám đốc phụ trách giám sát Ngân hàng TMCP A. *(theo Giấy ủy quyền số 75/2017 ngày 10/11/2017 của Tổng Giám Đốc)*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang E ký đơn khởi kiện: Ông Nguyễn Vĩnh F, chức danh: Giám Đốc Khu Vực Miền Tây và Đông Nam Bộ kiêm Giám Đốc Ngân hàng TMCP A-Chi nhánh Vũng Tàu.*(theo Giấy ủy quyền số 90/2017 ngày 08/12/2017)*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang E tham gia tố tụng tại Tòa án đến ngày 20/7/2018: Ông Phan Quang G, chức danh: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP A-Chi nhánh Vũng Tàu. *(theo Giấy ủy quyền số 91/2017 ngày 08/12/2017)*(có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Khải Đ tham gia tố tụng tại Tòa án từ ngày 07/8/2018: Ông Phan An H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ *(theo Giấy ủy quyền số 54/2018 ngày 07/8/2018)*(có mặt)

2.*Bị đơn:* Bà Trần Thanh U, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2018 và trong quá trình xét xử, diện biến tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/02/2016 bà Trần Thanh U có ký Hợp đồng tín dụng số 0132/2016/707 vay của Ngân hàng TMCP A (viết tắt là Ngân hàng)số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8%/năm, mục đích vay tiêu dùng; hình thức thanh toán: trả nợ gốc và lãi vào ngày 04 hàng tháng số tiền 2.333.334 đồng, trong đó tiền lãi 1.666.667 đồng, tiền gốc 666.667 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ; thời điểm trả nợ của kỳ hạn cuối là ngày 28/02/2021; biện pháp bảo đảm: Vay Tín Chấp.

Sau khi nhận được tiền vay, bà U đã thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng từ ngày 04/4/2016 đến ngày 04/7/2017 được 16 kỳ, từ ngày 05/8/2017 đến nay bà U không thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng; Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ nhưng bà U không hợp tác, không tới nơi làm việc, không có mặt tại địa chỉ thường trú.

Hiện tại bà Trần Thanh U đã nghỉ việc tại Trạm Y Tế 4-Trung tâm Q Đất Đỏ nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết nên ngày 31/07/2017 Ngân hàng TMCP A đã chuyển toàn bộ số dự nợ 73.333.328 đồng sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thanh U phải thánh toán tổng số tiền bao gồm:

+Số tiền gốc: 73.333.328 đồng

+ Số tiền lãi: 11.550.991 đồng

Tổng cộng: 84.884.319 đồng *(tám mươi bốn triệu tám trăm tám mươi tư nghìn ba trăm mười chín đồng)* và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

-Bị đơn bà Trần Thanh U dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà U vẫn vắng mặt.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên bị đơn bà U không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy các bên có ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích vay tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận là 8%/năm, vay tín chấp, số tiền vay và các kỳ trả nợ vốn và lãi như Ngân hàng đã trình bày, Ngân hàng đã cung cấp được chứng cứ về việc bà U đã nhận đủ tiền vay như trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, về việc đã trả nợ 16 kỳ, bà U không có mặt để chứng minh nên có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

[1.1].*Về thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn (BL07, 08), theo xác minh của Tòa án ngày 24/4/2018 (BL 68) và điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao có đủ cơ sở xác định bà U có địa chỉ cư trú tại Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện Đất Đỏ nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

[1.2].*Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì "*thời hiệu khởi kiện… tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*", bà U không thanh toán nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận từ ngày 05/8/2017 nên Ngân hàng khởi kiện đối với bà U là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3].*Về quan hệ pháp luật*: Ngân hàng TMCP A khởi kiện bà U yêu cầu trả nợ theo hợp đồng tín dụng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, do đó theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng(tranh chấp hợp đồng vay tài sản).

[1.4].*Về người tham gia tố tụng:*

[1.4.1].Theo tài liệu nguyên đơn cung cấp và theo xác minh của Tòa án (BL 01, 02, 68), từ tháng 10/2017 bà U xã chuyển khẩu Từ xã 4 về Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện Đất Đỏ, hiện nay bà U vẫn còn đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên, nhưng thực tế bà U không sinh sống tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. Như vậy, bà U đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, cũng không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết; theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao có đủ cơ sở xác định địa chỉ cuối cùng bà U cư trú là Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện Đất Đỏ nhưng bà U cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

Bị đơn bà U dù đã được Tòa án tống đạt Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 173, 177, 179 BLTTDS nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà U.

[1.4.2].Ngân hàng TMCP A xác định bà U vay tiêu dùng cá nhân, Trung tâm Q huyện Đất Đỏ và Ngân hàng có ký Hợp đồng liên kết số 74/2016 ngày

28/01/2016 nhưng Trung tâm Q huyện Đất Đỏ chỉ xác nhận về thời gian làm việc, mức lương và thu nhập khác của bà U trên giấy đề nghị vay vốn (BL 64A), nay Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà U phải thanh toán khoản nợ vay, do đó không đưa Trung tâm Q huyện Đất Đỏ và những người thân khác của bà U vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.5].*Về áp dụng pháp luật:* Ngân hàng TMCP A ký hợp đồng tín dụng cho bà U vay tiền từ tháng 3/2016 là thời điểm Bộ luật Dân sự (viết tắt là BLDS) 2005 đang có hiệu lực; tuy nhiên hợp đồng tín dụng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của BLDS 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 và các quy định khác của BLDS 2015 để giải quyết vụ án.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1].*Về yêu cầu khởi kiện:* Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP A yêu cầu bà Trần Thanh U trả cho Ngân hàng số tiền số tiền 84.884.319 đồng; tiền nợ gốc là 73.333.328 đồng, tiền nợ lãi 11.550.991 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu bà U phải thanh toán số tiền 77.987.297 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 73.333.328 đồng, tiền nợ lãi là 4.653.969 đồng; tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 84.884.319 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 73.333.328 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 9.452.109 đồng, tiền phí phạt chậm trả lãi là 627.132 đồng, tiền phí phạt chậm trả gốc là 1.471.750 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Như vậy so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì tiền nợ gốc không thay đổi, tiền nợ lãi thay đổi do phát sinh theo hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS không coi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2].*Về hợp đồng tín dụng:* Ngày 29/02/2016 bà Trần Thanh U và Ngân hàng có ký Hợp đồng tín dụng số 0132/2016/707 thể hiện số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay, mục đích vay, hình thức vay, hình thức thanh toán và ngày trả nợ cuối.

Như vậy việc ký kết hợp đồng tín dụng số 0132/2016/707 giữa bà U với ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 BLDS nên có hiệu lực pháp luật.

[2.3].*Về yêu cầu trả nợ gốc:* Ngày 29/02/2016 bà Trần Thanh U có ký Hợp đồng tín dụng số 0132/2016/707 vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), đã được Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay vào số tài khoản 707027727100001 của bà U (BL 27), đồng thời bà U cam kết trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn (BL 64B). Sau khi vay bị đơn trả được nợ gốc là 26.666.672 đồng (*tương ứng với 16 kỳ, từ ngày 04/4/2016 đến ngày 04/7/2017*), từ ngày 05/8/2017 đến nay bị đơn không thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo trả nợ nhưng bà U đã nghỉ việc và thay đổi địa chỉ cư trú, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ; do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ gốc còn lại là 73.333.328 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.4].*Về yêu cầu trả nợ lãi:* Sau khi được giải ngân, từ ngày 04/4/2016 đến ngày 04/7/2017 bà U đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 10.702.063 đồng, từ ngày 05/8/2017 bà U không thanh toán theo cam kết. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 9.452.109 đồng, tiền phí phạt chậm trả lãi là 627.132 đồng, tiền phí phạt chậm trả gốc là 1.471.750 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Theo điểm a, b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định "*…Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.."

Tại điểm b mục 3 của Phụ lục các điều khoản chung (BL 14) quy định "*Trong trường hợp quá hạn do chậm trả nợ gốc thì bên B đồng ý chịu mức lãi suất quá hạn.....mà bên vay không trả đúng hạn. Số tiền lãi quá hạn phải bằng dư nợ gốc quá hạn nhân với lãi suất quá hạn nhân với thời giam quá hạn chia cho 360....*"

Đối chiếu với bảng triết tính nợ vay theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng phù hợp điểm a khoản 5 Điều 466 BLDS, khoản 16 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, tính đến ngày 09/8/2018 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi là 11.515.629 đồng nên cần được chấp nhận.

[2.5].*Về tài liệu, chứng cứ:* Ngân hàng TMCP A đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ, gồm: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp đổi ngày 14/11/2017, Quyết định bổ nhiệm nhân sự số 850/2017/QĐ-NH-02 ngày 20/07/2017; các Giấy uỷ quyền; Hợp đồng liên kết ngày 28/01/2016; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 20/01/2016; Hợp đồng tín dụng số 707027727100001 ngày 29/02/2016 và lịch trả nợ; Giấy nhận nợ ngày 29/02/2016, Biên bản làm việc ngày 10/8/2017, Thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 04/7/2017, Thông báo nhắc nợ đế hạn ngày 01/8/2017, Thông báo nợ quá hạn ngày 10/8/2017, Thông báo chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn ngày 20/9/2017; bản chính Giấy xác minh ngày 24/11/2017 và ngày 07/12/2017; bản phô tô chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận kết hôn và quyết định nâng bậc lương, Quyết định cho thôi việc của bị đơn.

Ngân hàng TMCP A đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh bà U mới trả được được 16 kỳ từ ngày 04/4/2016 đến ngày 04/7/2017, từ ngày 05/8/2017 đến nay không thanh toán; theo quy định khoản 2 và 4 Điều 91 BLTTDS bà U có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo về quyền lợi của mình; bà U được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên là từ bỏ quyền tự chứng minh để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do bà U vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên HĐXX chỉ xem xét theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 BLTTDS.

Từ các phân tích, nhận định nêu trên, căn cứ các Điều 280, 466 BLDS, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà U phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tính đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 09/8/2018*), gồm: tiền nợ gốc: 73.333.328đ (*Bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tám đồng*), tiền nợ lãi trong hạn: 9.452.109đ (*Chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn một trăm lẻ chín đồng*), tiền phạt chậm trả lãi: 627.132đ (*Sáu trăm hai mươi bảy nghìn một trăm ba mươi hai đồng*), tiền phạt chậm trả gốc: 1.471.750đ (*Một triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm năm mươi đồng*), tổng cộng 84.884.319đ (*Tám mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm mười chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 10/8/2018), bà U còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán,

theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0132/2016/707 ngày 29/02/2016, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 0132/2016/707 ngày 29/02/2016, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

[3]. *Về phát biểu của Kiểm sát viên:* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, nên ghi nhận.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*". Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 84.884.319 đồng x 5% = 4.244.216 đồng.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo Điều 217 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 280, 401, 463, 465, 466, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

-Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 và 4 Điều 91, điểm e, khoản 1 Điều 192, các Điều 93, 94, 95, 96, 144, 227, 228, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao;

- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Luật các tổ chức tín dụng 2010; điểm a, b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016;

-Các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự;

-Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A đối với Bà Trần Thanh U.

Buộc Bà Trần Thanh U có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2018) bao gồm các khoản sau đây:

Tiền nợ gốc: 73.333.328đ (*Bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tám đồng*);

Tiền nợ lãi trong hạn: 9.452.109đ (*Chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn một trăm lẻ chín đồng*);

Tiền phạt chậm trả lãi: 627.132đ (*Sáu trăm hai mươi bảy nghìn một trăm ba mươi hai đồng*);

Tiền phạt chậm trả gốc: 1.471.750đ (*Một triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm năm mươi đồng*);

Tổng cộng 84.884.319đ (*Tám mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm mười chín đồng*).

2.Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 10/8/2018), bà U còn phải tiếp tục chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phí phạt chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0132/2016/707 ngày 29/02/2016, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 0132/2016/707 ngày 29/02/2016, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bà Trần Thanh U phải chịu 4.244.216đ (*Bốn triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm mười sáu đồng*)

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.950.000đ (*Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số TU/2016/0009680 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Ngân hàng TMCP A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/8/2018); đối với bà Trần Thanh U không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Duy Đạt